**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương**

 **giai đoạn 2011 - 2022 và nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục đào tạo**

**đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

 **-----**

**PHẦN I**

**TÌNH HÌNH phát triển GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**giai đoạn 2011 - 2022**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Khái quát chung về tình hình giáo dục và đào tạo**

Quy mô trường, lớp, học sinh cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội; chất lượng giáo dục các cấp được duy trì, từng bước được nâng lên; giữ vững chất lượng đạt giải tại Kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia; chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục THCS tiếp tục được giữ vững và nâng lên. Triển khai đồng bộ công tác tập huấn bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và công tác biên soạn giáo dục địa phương.

Đội ngũ cán bộ quản lý được kiện toàn tương đối đầy đủ; biên chế giáo viên còn thiếu so với nhu cầu của ngành; thực hiện đầy đủ, đảm bảo chế độ chính sách cho học sinh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư bổ sung hàng năm nhưng chưa đáp ứng với nhu cầu của ngành.

**2. Công tác quán triệt, tổ chức triển khai các chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo**

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến ngành và các văn bản thực hiện chế độ chính sách; triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018…

**II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2011 - 2022**

**1. Về tiếp cận và bảo đảm công bằng giáo dục**

***1.1. Quy mô, mạng lưới***

- Toàn tỉnh hiện nay có 359 trường mầm non và phổ thông[[1]](#footnote-1); 120 cơ sở giáo dục thường xuyên; 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 03 cơ sở giáo dục đại học[[2]](#footnote-2).

- Quy mô, mạng lưới trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú: Có 03 trường phổ thông DTNT và 01 trường phổ thông DTBT cấp huyện với 100% học sinh đang theo học tại trường hiện nay thuộc diện hưởng chế độ nội trú; 01 trường phổ thông DTNT tỉnh với 09 lớp và 295 học sinh.

- Quy mô trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên, sinh viên các cấp học (phụ lục đính kèm).

- Số lượng, tỷ lệ trẻ em/ học sinh là người DTTS các cấp học (phụ lục đính kèm).

- Tỷ lệ huy động trẻ em/học sinh ở các cấp học nhập học đúng độ tuổi (phụ lục đính kèm).

- Quy mô, mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học; khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo của hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh (phụ lục đính kèm)

***1.2. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ***

- Số lượng, tỷ lệ xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, chuẩn phổ cập tiểu học, chuẩn phổ cập trung học cơ sở (theo các mức độ); chuẩn xóa mù chữ (phụ lục đính kèm)

- Số lượng, tỉ lệ trẻ em mầm non, học sinh được học 2 buổi/ngày theo cấp học (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15 - 60 và độ tuổi 15 - 35. Tỷ lệ DTTS biết chữ trong độ tuổi 15 - 60 và độ tuổi 15 - 35 (phụ lục đính kèm)

- Tình hình phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông của địa phương: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học trung học cơ sở; hoàn thành chương trình THCS lên học THPT; hoàn thành chương trình THCS vào giáo dục thường xuyên; hoàn thành chương trình THPT vào đại học (phụ lục đính kèm)

**2. Điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo**

***2.1. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

- Việc ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của địa phương: Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 17/10/2022 về thực hiện bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 06/03/2023 về duy trì, xây dựng trường học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20/4/2023 về triển khai thực hiện “Chương trình hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Số lượng, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo các mức độ quy định của cấp học (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ kiên cố hóa trường học các cấp; số lượng, tỷ lệ phòng học/lớp; số lượng, cơ cấu phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, các phòng chức năng khác; tỷ lệ nhà về sinh đạt chuẩn; công trình nước sạch và các công trình phụ trợ phục vụ học sinh bán trú, nội trú (nếu có)… theo cấp học; nhà công vụ cho giáo viên (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ thiết bị dạy học được trang bị theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và tỷ lệ thiết bị dạy học bổ sung ngoài danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của từng cấp học (phụ lục đính kèm)

***2.2. Về đội ngũ nhà giáo (giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục)***

- Việc ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách để phát triển đội ngũ nhà giáo của địa phương: Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Đề án Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Phú Yên (Tờ trình số 164/TTr-SGDĐT ngày 05/5/2023), hiện tại UBND tỉnh đang xem xét, phê duyệt.

- Số lượng giáo viên; tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục là dân tộc thiểu số theo từng cấp học; tỷ lệ giáo viên/lớp từng cấp học (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo từng cấp học theo Luật Giáo dục (phụ lục đính kèm)

- Số lượng thừa, thiếu giáo viên theo môn học (phụ lục đính kèm)

***2.3. Tài chính cho giáo dục***

- Việc ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách về tài chính cho giáo dục của địa phương: Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 17/10/2022 về thực hiện bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Tổng chi ngân sách của địa phương cho giáo dục(phụ lục đính kèm)

- Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án ODA, các dự án khác... liên quan đến giáo dục và đào tạo(phụ lục đính kèm)

- Xã hội hóa giáo dục: trong những năm qua, ngành giáo dục đã vận động nhiều nhà tài trợ học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện như[[3]](#footnote-3); UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, trường học cũng đã ra sức vận động tài trợ hàng ngàn suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**3. Chất lượng giáo dục và đào tạo**

***3.1. Kết quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em***

- Số lượng, tỷ lệ nhà trẻ/mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe, dinh dưỡng (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ nhà trẻ/mẫu giáo suy dinh dưỡng (bao gồm: suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi và suy dinh dưỡng thể còi cọc); thừa cân, béo phì (phụ lục đính kèm)

***3.2. Kết quả giáo dục đại trà***

- Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học, lên lớp, tốt nghiệp các cấp học (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ học sinh/học sinh là người DTTS đỗ tốt nghiệp THPT của địa phương (phụ lục đính kèm)

***3.3. Kết quả giáo dục mũi nhọn, năng khiếu***

Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nhiều giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trung học, nhất là cấp THPT[[4]](#footnote-4); Kết quả Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hàng năm được duy trì và nâng lên.

***3.3. Chất lượng đào tạo nhân lực có trình độ đại học, sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học tại địa phương***

- Số lượng chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài; số lượng chương trình đạt kiểm định chất lượng quốc gia và quốc tế (phụ lục đính kèm)

- Số lượng, tỷ lệ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tuyển được/ chỉ tiêu tuyển sinh (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 6 tháng, sau 12 tháng tốt nghiệp (phụ lục đính kèm)

- Số lượng giảng viên/ giảng viên là người DTTS theo trình độ (phụ lục đính kèm)

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả nổi bật**

Triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và địa phương về giáo dục và đào tạo tại địa phương.

Chất lượng giáo dục các cấp cơ bản được duy trì và nâng lên, đảm bảo theo nội dung chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức an toàn, nghiêm túc các kỳ thi, hội thi; giữ vững chất lượng đạt giải tại Kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

Đội ngũ cán bộ quản lý được kiện toàn tương đối đầy đủ; thực hiện đầy đủ, đảm bảo chế độ chính sách cho học sinh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục THCS.

Triển khai đồng bộ công tác tập huấn bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và công tác biên soạn giáo dục địa phương.

**2. Khó khăn, hạn chế, vướng mắc**

- Số lượng giáo viên chưa đảm bảo định mức theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 đã ảnh hưởng đến công tác quản lý và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo 3, 4 tuổi đạt tỉ lệ thấp. Thiếu nguồn giáo viên Tiểu học để tuyển dụng.

- Cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục được tiếp tục đầu tư thường xuyên nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu so với quy định theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Trang bị thiết bị dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa đảm bảo theo nhu cầu vì nhiều lý do như: kinh phí bố trí để mua sắm còn ít; trình tự, thủ tục triển khai mua sắm gặp nhiều khó khăn…

- Một số trường Mầm non ở khu vực khó khăn, vùng núi chưa đảm bảo số nhóm, lớp tối thiểu theo quy định; trên địa bàn tỉnh hiện nay còn 16 trường tiểu học có trên 30 lớp, 7 trường có trên 05 điểm trường; nhiều trường ở thị trấn, thị xã, thành phố số học sinh trên/lớp vượt quá 35 học sinh.

**3. Nguyên nhân của những kết quả, hạn chế, vướng mắc**

- Nhiều năm qua, ngành Giáo dục tỉnh Phú Yên không được bổ sung thêm biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong khi đó phải thực hiện tinh giản biên chế hàng năm (10%/5năm).

- Kinh phí đầu tư cho giáo dục còn quá ít do điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh còn khó khăn.

- Việc sáp nhập các trường theo Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy Phú Yên về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập.

**PHẦN II**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ**
**ĐÀO TẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Bối cảnh quốc tế**

Hiện nay, thế giới và khu vực có những chuyển biến mạnh mẽ, tình hình an ninh, xung đột trên thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục diễn ra mạnh mẽ; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, ngày càng gay gắt, đi kèm theo đó là sự điều chỉnh chiến lược, chính sách ở nhiều quốc gia; cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư dự báo sẽ làm thay đổi đến nhiều lĩnh vực, tạo cơ hội các quốc gia đi sau tăng tốc phát triển, tiếp cận với các xu hướng mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục tiên tiến, hiện đại. Sự hình thành của nền kinh tế tri thức, cộng với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đây là cơ hội, đồng thời cũng là thách thức lớn, đòi hỏi phải chú trọng đầu tư cho con người, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng với xu thế thời đại.

**2. Bối cảnh trong nước**

Đất nước ta tiếp tục duy trì sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện, chịu nhiều tác động từ thế giới bên ngoài; do vậy đặt ra yêu cầu Đảng, Nhà nước ta tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng nguồn nhân lực có tri thức, kĩ năng, phẩm chất cần thiết; hoạt động giáo dục và đào tạo gắn kết với dự báo nhu cầu xã hội, thị trường lao động; gắn kết giữa giáo dục và đào tạo với lực lượng sản xuất; kết hợp hiệu quả nguồn lực Nhà nước với huy động nguồn lực xã hội để đầu tư trọng tâm, trọng điểm; đồng thời, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

**3. Thời cơ và thách thức đối với phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương**

Tỉnh Phú Yên nằm ở khu vực duyên hải Nam Trung bộ, có 09 đơn vị hành chính, Quy mô dân số trung bình tỉnh Phú Yên năm 2020 là 874,295 nghìn người, với 33 dân tộc sinh sống. Phú Yên sẽ chịu nhiều tác động tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong thời gian qua, nhưng về cơ bản Phú Yên vẫn còn nhiều khó khăn, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng lực cạnh tranh, nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo còn hạn chế; nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao còn ít; do vậy toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh nêu cao quyết tâm chính trị, đoàn kết, nỗ lực giữ vững thành quả đạt được, tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thúc đẩy công cuộc phát triển bền vững tỉnh nhà trong thời gian đến.

**II. QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Xây dựng văn hóa, con người Phú Yên phát triển toàn diện gắn với phát triển tri thức, phát triển thể chất, có phẩm chất đạo đức, có kiến thức về kỹ năng xã hội; tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh; tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hoá giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng; đảm bảo cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo.

**III. MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**1. Mục tiêu về phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương đến năm 2030**

**1.1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; xây dựng con người Phú Yên phát triển toàn diện, gắn với phát triển tri thức với phát triển thể chất, đạo đức, và kỹ năng xã hội; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả toàn diện giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển chất lượng nguồn nhân lực; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng lên vị thế của Phú Yên trong khu vực và cả nước. Phấn đấu chỉ số giáo dục tỉnh Phú Yên ngang bằng với các tỉnh có điều kiện phát triển khá trong khu vực Duyên hải nam Trung bộ.

Quy mô giáo dục và đào tạo, cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng; thực hiện tốt mục tiêu tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân; phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

***a) Giáo dục mầm non***

- Đạt các mục tiêu cụ thể tại kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 18/02/2019 của UBND Tỉnh Phú Yên về phát triển Giáo dục mầm non tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025;

Triển khai cho học sinh bậc học Mầm non tiếp cận ngoại ngữ phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cở sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025.

***b) Giáo dục phổ thông***

***- Tiểu học***

+ 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1;

+ 100% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày;

+ 98,5% trẻ 11 tuổi hoàn thành Chương trình Tiểu học;

+ Thu hút khoảng 1.500 học sinh tham gia học Tiểu học ngoài công lập (khoảng 50 lớp), chiếm khoảng 2,8%;

+ Đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch 168/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

+ Dạy và học ngoại ngữ cấp Tiểu học phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 15/3/2019 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cở sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025;

+ Có tổi thiểu 62,4% trường tiểu học có đủ điều kiện và triển khai giáo dục STEM hiệu quả;

+ 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương;

+ 100% trường tiểu học có đủ điều kiện (nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định.

+ Đến năm 2025, 70% trẻ em khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng. 50% trẻ em khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng hòa nhập cộng đồng phù hợp. 60% các huyện, thành phố, triển khai thiết lập mạng lưới liên kết các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật tại cộng đồng và thí điểm các mô hình dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật;

**- Trung học cơ sở**

+ 100% trẻ hoàn thành Chương trình Tiểu học vào lớp 6.

+ 99,0% học sinh đi học đúng độ tuổi THCS.

+ 20% học sinh học được học Chương trình 2 buổi/ngày.

+ 95,0% thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 - 18 tốt nghiệp THCS.

+ 87,0% thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 - 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) hoặc giáo dục nghề nghiệp.

+ Dạy và học ngoại ngữ cấp THCS phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 15/3/2019 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cở sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025[[5]](#footnote-5);

+ Thu hút khoảng 500 học sinh tham gia học THCS ngoài công lập[[6]](#footnote-6), chiếm khoảng 0,93%.

+ Củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục THCS, đến năm 2025 tỉnh được công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

+ Xây dựng tối thiểu mỗi huyện một trường công lập có cấp THCS trọng điểm có chất lượng cao, là đơn vị điển hình về giáo dục, về ứng dụng công nghệ thông tin và xã hội hóa giáo dục để các trường học khác trên địa bàn học tập.

+ Tỷ lệ học sinh bỏ học toàn cấp đến năm 2025 giảm xuống còn dưới 0,3%[[7]](#footnote-7).

+ 61,2% trường có cấp THCS có đủ điều kiện và triển khai giáo dục STEM hiệu quả[[8]](#footnote-8).

+ 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

+ 100% trường THCS có đủ điều kiện (nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định.

**- Trung học phổ thông**

+ 98,0% học sinh tốt nghiệp THPT hằng năm.

+ 72% học sinh vào học Đại học, Cao đẳng.

+ 87% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương.

+ Thu hút khoảng 2.000 học sinh tham gia học Trung học phổ thông ngoài công lập[[9]](#footnote-9) (khoảng 6,3%)[[10]](#footnote-10).

+ Tỷ lệ học sinh bỏ học toàn cấp đến năm 2025 giảm xuống còn dưới 0,35[[11]](#footnote-11)%.

+ Xây dựng tối thiểu 10 trường THPT công lập trọng điểm có chất lượng cao, là đơn vị điển hình về giáo dục, về ứng dụng công nghệ thông tin và xã hội hóa giáo dục để các trường học khác trên địa bàn tỉnh học tập.

+ Hằng năm, các trường có cấp THPT phải có đội tuyển học sinh giỏi cấp trường, có học sinh tham gia Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt giải. Toàn tỉnh, có ít nhất 22 giải học sinh giỏi cấp quốc gia.

+ Việc dạy và học Ngoại ngữ phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cở sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025[[12]](#footnote-12);

+ Có tổi thiểu 42,4% trường có cấp THPT có đủ điều kiện về phòng dạy, thiết bị dạy học STEM và triển khai hoạt động giáo dục STEM hiệu quả[[13]](#footnote-13).

+ 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, hình thành được các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, điều kiện đặc thù của địa phương.

+ Tăng tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số được học trong các trường THPT, được tạo điều kiện ở bán trú, được đáp ứng tối đa nhu cầu học tập của học sinh dân tộc thiểu số, đặc biệt là dân tộc thiểu số rất ít người (nếu có[[14]](#footnote-14)).

+ 100% trường THPT có đủ điều kiện (nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất) để trẻ khuyết tật được đảm bảo quyền lợi tham gia giáo dục hòa nhập theo đúng quy định.

**- Giáo dục thường xuyên**

+ Thu hút khoảng 30% học sinh tốt nghiệp THCS vào học chương trình GDTX cấp THPT, chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp có lồng ghép học giáo dục thường xuyên. Phấn đấu có 100% học sinh được học kỹ năng sống thông qua các môn học tại các cơ sở giáo dục[[15]](#footnote-15).

+ Tăng cường mở các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ và các lớp chuyên đề chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ để dân số trong độ tuổi từ 15 đến 60 biết chữ đạt 97,5%[[16]](#footnote-16).

 + Đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch 169/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

 + Đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch 150/KH-UBND ngày 11/8/2022 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

+ Đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Kế hoạch 161/KH-UBND ngày 16/8/2019 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

 + Khuyến khích và có tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia hoạt động GDĐT, nhất là lĩnh vực Ngoại ngữ, Tin học, giáo dục kĩ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa.

**- Giáo dục đại học, cao đẳng**

Chú trọng đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học; đa dạng ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực của tỉnh.

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**1. Về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trên tinh thần tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường và đảm bảo các tiêu chí công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đã đề ra.

**2. Về bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục**

- Tiếp tục tăng cường giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức, lối sống; thực hiện có hiệu quả việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, học viên; tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình trong việc quản lý, hỗ trợ học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo và Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; thực hiện đúng quy chế làm việc và văn hóa công sở.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên, bảo đảm an toàn trường học.

- Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo. Xây dựng, phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ, phát động phong trào giáo viên cùng học tiếng Anh với học sinh, sinh viên. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Hội nhập quốc tế: tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học đẩy mạnh hội nhập quốc tế thông qua việc hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài. Tăng cường công tác quản lý đối với các chương trình liên kết giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo, các cơ sở giáo dục, đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động tư vấn du học.

**3. Về điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo**

- Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo. Xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, bếp ăn, nhà vệ sinh, công trình nước sạch và mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu, trong đó chú trọng các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; Từng bước giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để đáp ứng nhu cầu đổi mới, phát triển giáo dục hiện nay.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục hướng tới xây dựng trường học thông minh. Tiếp tục triển khai thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả trường học.

- Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo. Rà soát, hướng dẫn thực hiện, giám sát, kiểm tra, đánh giá thành lập và hoạt động của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục.

**-** Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

**4. Về chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên**

- Giáo dục Mầm non: Tổ chức và thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, hạn chế trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi và thừa cân, béo phì; tăng cường đầu tư mọi nguồn lực để các cơ sở GDMN thực hiện và đạt các mục tiêu GDMN: Chương trình GDMN mới, Phổ cập GDMN, Xây dựng trường MN đạt chuẩn quốc gia…

- Giáo dục tiểu học: Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; tiếp tục đầu tư mọi nguồn lực để các cơ sở GDTH triển khai thực hiện đạt các mục tiêu về GDTH.

- Giáo dục phổ thông: Thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, từ học chủ yếu trên lớp sang đa dạng, linh hoạt trong hình thức học tập như: trực tuyến, qua internet, qua truyền hình; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; dạy học STEM, nghiên cứu khoa học; hướng dẫn học sinh/học viên cách tự học, học cách học, cách tư duy. Tích hợp nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, giúp học sinh/học viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số; có tư duy sáng tạo và khả năng hội nhập quốc tế để trở thành công dân toàn cầu. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá, đặc biệt chú trọng đánh giá quá trình nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Triển khai đánh giá chất lượng giáo dục thực chất ở tất cả các cấp học, quyết tâm xóa bỏ “bệnh thành tích” trong đánh giá chất lượng giáo dục. Củng cố, nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh vào trường trung học phổ thông; nâng cao chất lượng đào tạo của trường chuyên; xây dựng hệ thống trường trọng điểm, trường ngoài công lập chất lượng cao làm nòng cốt để nâng cao chất lượng mũi nhọn và hợp tác quốc tế; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, tăng cường xã hội hóa cho giáo dục

- Giáo dục thường xuyên: Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trong tỉnh đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và gắn với quy hoạch nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp tinh gọn đầu mối, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các cơ sở đào tạo nghề; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, liên thông trong giáo dục, đào tạo gắn với nhu cầu của xã hội; tăng cường đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động. Quan tâm phát triển giáo dục các vùng khó khăn. Phát triển sâu rộng phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

1. **128 trường mầm non (**110 trường công lập, 18 trường ngoài công lập)và 268 nhóm, lớp tư thục (giảm03 trường mầm non, tăng 04 cơ sở tư thục so với cùng kỳ năm học trước); **95 trường tiểu học** (94 trường công lập và 01 trường tư thục, với 352 điểm trường, trong đó: 134 điểm chính và 218 điểm lẻ); **103 trường THCS** (trong đó có 38 trường Tiểu học và THCS); **33 trường THPT** (31 trường công lập và 02 trường ngoài công lập). [↑](#footnote-ref-1)
2. 110 trung tâm học tập cộng đồng, 07 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hướng nghiệp tỉnh. Trường Trung cấp Nghề thanh niên dân tộc Phú Yên, Trường Cao đẳng Nghề Phú Yên, Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên; Trường Cao đẳng Công thương miền Trung. Trường Đại học Phú Yên; Học viện Ngân hàng, Phân viện Phú Yên; Đại học Xây dựng miền Trung. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ngân hàng Agribank hỗ trợ quỹ học bổng: 1tỷ đồng; Công ty Xổ số kiến thiết Phú Yên tặng quỹ học bổng cho học sinh nghèo 1tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; điều chỉnh nội dung dạy học cho phù hợp với yêu cầu hiện nay; tăng cường tổ chức phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Tổ chức lớp học phân hóa theo đối tượng, dạy học sát đối tượng; tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng có tính đến yếu tố vùng miền; Tăng cường thanh tra, giám sát, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ tổ trưởng, sinh hoạt tổ nghiệp vụ; … [↑](#footnote-ref-4)
5. Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cở sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025. [↑](#footnote-ref-5)
6. Phương án phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2025-2030; hiện nay có khoảng 53.700 học sinh cấp THCS và có khoảng 300 học sinh tham gia học THCS ngoài công lập. [↑](#footnote-ref-6)
7. Số liệu báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, đến 30/5/2022, tỉ lệ này là 0,39%. [↑](#footnote-ref-7)
8. Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc duy trì, xây dựng trường học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên. [↑](#footnote-ref-8)
9. Phương án phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2025-2030; hiện nay có khoảng 1.400 học sinh tham gia học THCS ngoài công lập. [↑](#footnote-ref-9)
10. Số học sinh cấp THPT hiện nay khoảng 31.600; . [↑](#footnote-ref-10)
11. Số liệu báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, đến 30/5/2022, tỉ lệ này là 0,41%. [↑](#footnote-ref-11)
12. Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc dạy và học ngoại ngữ trong các cở sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018-2025. [↑](#footnote-ref-12)
13. Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Phú Yên về việc duy trì, xây dựng trường học đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên. [↑](#footnote-ref-13)
14. Hiện nay, Phú Yên không có dân tộc thiểu số rất ít người. [↑](#footnote-ref-14)
15. Phương án phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2025-2030. [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo báo cáo công tác xóa mù chữ năm 2022, số liệu này đạt tỉ lệ 96,4%. [↑](#footnote-ref-16)